TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dưỡng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Luận;

Ông Lâm Trần Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 30 tháng 7 và ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Huỳnh Văn C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị T:** Năm 2005, chị T và anh C yêu thương nhau và tự nguyện sống chung với nhau, đến ngày 05-02-2013 chị T và anh C mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Trong quan hệ hôn nhân chị T và anh C có với nhau 02 con chung tên Huỳnh Thị Diễm E, sinh ngày 27-3-2006 và Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 02-5-2012, hiện đều đang sống chung với chị T. Chị T và anh C chung

sống hạnh phúc đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên cải nhau mà không thể hòa thuận được nên chị T đã ly thân với anh C từ năm 2015 đến nay, trong thời gian ly thân thì chị T và anh C cũng không hàn gắn lại được tình cảm. Nhận thấy có hàn gắn sống chung lại với anh C cũng không hạnh phúc nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh C vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Khi khởi kiện chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nhưng con chung tên Huỳnh Thị Diễm E, sinh ngày 27-3-2006 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 02-5-2012 thì chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn Huỳnh Văn C:** Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn Huỳnh Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 05-02-2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 07, Quyển số: 01-2013 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân của chị T và anh C là hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nhiều vấn đề trong cuộc sống, thường xuyên cải nhau mà không thể hòa thuận được nên chị T đã ly thân với anh C (từ năm 2015 đến nay), trong thời gian ly thân thì chị T và anh C cũng không hàn gắn lại được tình cảm nên chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C. Tòa án đã 02 lần thông báo hòa giải đoàn tụ nhưng anh C không đến Tòa án để hòa giải, điều này thể hiện ý chí của anh C không muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng chị T và anh C đoàn tụ về sống chung lại, trong khi chị T thì cương quyết ly hôn với anh C. Xét thấy quan hệ hôn nhân

của vợ chồng chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh C có 02 con chung tên Huỳnh Thị Diễm E, sinh ngày 27-3-2006 và Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 02-5-2012. Khi khởi kiện chị T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung nhưng con chung tên Huỳnh Thị Diễm E, sinh ngày 27-3-2006 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời anh C không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết; Đối với con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 02-5-2012 thì chị T yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy yêu cầu của chị T cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 (tại Tờ tự khai đề ngày 11-7-2024 của cháu T1 thì cháu T1 khai rằng hiện đang sống chung với chị T và có nguyện vọng được sống chung với chị T nếu chị T và anh C ly hôn), trong khi anh C không có ý kiến gì nên chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 02-5-2012 cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu, anh C không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu, anh C không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.*", vậy chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000658 ngày 26-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí. Anh Huỳnh Văn C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn C.

2. Về con chung:

Con chung tên Huỳnh Thị Diễm E, sinh ngày 27-3-2006 hiện nay đã thành niên và có khả năng lao động, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh C không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

Giao con chung tên Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh ngày 02-5-2012 cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Huỳnh Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Huỳnh Văn C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Huỳnh Văn C.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu, anh Huỳnh Văn C không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu, anh Huỳnh Văn C không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 000658 ngày 26-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Văn C không phải chịu án phí.

6. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại của Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã T (Giấy CNKH số: 07, Quyển số: 01-2013, ngày 05-02-2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Dưỡng